

CHÍNH PHỦ
Số: 73/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này "Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác".

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định về việc quản lý vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác trái với quy định trong Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 73/2000/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nhà nước thực hiện việc quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác thông qua người đại diện phần vốn nhà nước và người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

Điều 2. Một số từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. "Doanh nghiệp khác" là doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc Luật Hợp tác xã.

2. "Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác" là số vốn thuộc sở hữu nhà nước đóng góp hoặc doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác; bao gồm cả phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hoá.

3. "Người đại diện phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác" (sau đây gọi tắt là người đại diện) là tổ chức hoặc cá nhân quy định tại Điều 6 Quy chế này đại diện cho Nhà nước thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

4. "Người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác" (sau đây gọi tắt là người trực tiếp quản lý) là người được người đại diện cử để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người góp vốn hoặc cổ đông nhà nước. Người trực tiếp quản lý có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Trường hợp nhiều người trực tiếp quản lý trong một doanh nghiệp khác thì người đại diện phải cử người phụ trách chịu trách nhiệm phối hợp những người trực tiếp quản lý để thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 3. Vốn của Nhà nước ở doanh nghiệp khác bao gồm:

1. Vốn thuộc sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước gồm tiền, giá trị quyền sử dụng đất hay tiền thuê đất, giá trị tài sản thuộc sở hữu nhà nước được doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác hoặc góp vốn liên doanh với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Ngân sách nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp khác.

3. Giá trị cổ phần nhà nước trong doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hoá, bao gồm cả giá trị cổ phiếu nhà nước cấp cho người lao động trong doanh nghiệp để hưởng cổ tức khi doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa giai đoạn trước khi Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

4. Lợi tức được chia do việc Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác được dùng để tái đầu tư tại doanh nghiệp này.

Điều 4. Đối với trường hợp Nhà nước không nắm cổ phần chi phối trong tổng số cổ phần của doanh nghiệp khác, thì có thể không cần cử người trực tiếp quản lý. Song người đại diện phải tổ chức công việc bảo đảm theo dõi được số vốn nhà nước đã đầu tư và số lợi tức được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp này và phân công người thực hiện các quyền của cổ đông theo Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 5.

1. Doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Nhà nước hoạt động theo luật tương ứng và Điều lệ của doanh nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Khi gửi báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, doanh nghiệp đồng thời gửi cho người đại diện phần vốn nhà nước bản sao các báo cáo này.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động của doanh nghiệp, không can thiệp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN

PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 6. Người đại diện phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác được xác định như sau:

1. Bộ Tài chính đối với các trường hợp sau:

- a) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác do ngân sách Trung ương góp vốn.
- b) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước độc lập do Bộ, ngành quyết định thành lập thực hiện cổ phần hoá toàn bộ doanh nghiệp.
- c) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp liên doanh được thành lập từ việc doanh nghiệp nhà nước độc lập do Bộ, ngành quyết định thành lập góp toàn bộ số vốn vào liên doanh và không còn pháp nhân doanh nghiệp nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các trường hợp sau:

- a) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác do ngân sách địa phương góp vốn.
- b) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước độc lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập thực hiện cổ phần hoá toàn bộ doanh nghiệp.
- c) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp liên doanh được thành lập từ việc doanh nghiệp nhà nước độc lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập góp toàn bộ vốn vào liên doanh và không còn pháp nhân doanh nghiệp nhà nước.

3. Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị) hoặc Giám đốc doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp nhà nước độc lập không có Hội đồng quản trị) đối với các trường hợp sau:

- a) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác do cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước độc lập.
- b) Phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác do cổ phần hoá một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng công ty.
- c) Doanh nghiệp nhà nước đem một phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác hoặc góp vào liên doanh với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

Đối với các Tổng công ty nhà nước, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Giám đốc doanh nghiệp thành viên là đại diện phần vốn nhà nước đối với trường hợp cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp thành viên, hoặc đem một phần vốn của doanh nghiệp thành viên góp vào liên doanh. Việc ủy quyền phải được quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Người đại diện có các quyền sau:

1. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người trực tiếp quản lý.

Đối với trường hợp người đại diện là Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này, Thủ trưởng Bộ, ngành quyết định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

2. Yêu cầu người trực tiếp quản lý báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình kinh doanh, công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tài sản, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Nhà nước. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý cổ phần chi phối của Nhà nước tại Công ty cổ phần, báo cáo việc sử dụng quyền cổ phần chi phối của Nhà nước để định hướng chiến lược, xác định mục tiêu, kế hoạch dài hạn và hàng năm của các doanh nghiệp này.

3. Kiểm tra, giám sát hoạt động của người trực tiếp quản lý, phát hiện kịp thời các thiếu sót, yếu kém để ngăn chặn, chấn chỉnh.

4. Quyết định hoặc trình người có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

5. Trường hợp ngân sách nhà nước, nhiều doanh nghiệp nhà nước cùng góp vốn vào một doanh nghiệp khác thì những người đại diện cử một người trong số những người đại diện chủ trì phối hợp giữa những người đại diện để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước tại doanh nghiệp khác.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Người đại diện có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền cổ phần chi phối của Nhà nước để định hướng doanh nghiệp khác hoạt động theo mục tiêu Nhà nước quy định.

2. Định kỳ hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, kết quả tài chính, công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tài sản của doanh nghiệp khác, việc thu hồi cổ phiếu nhà nước cấp cho người lao động để hưởng cổ tức, việc thu hồi tiền nhà nước cho người lao động vay để mua cổ phiếu, thu tiền bán chịu cổ phần cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp.

Đối với người đại diện quy định tại khoản 3 Điều 6, đồng thời phải gửi các báo cáo trên cho cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước có vốn đầu tư và doanh nghiệp khác.

Chế độ và chỉ tiêu báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Báo cáo Bộ Tài chính và cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp về biện pháp thu hồi phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác; việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện, người trực tiếp quản lý trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước giải thể, phá sản.

4. Chỉ đạo người trực tiếp quản lý có biện pháp kịp thời để bảo vệ số vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước thua lỗ, mất vốn, phải xem xét giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản.